

Số: 14 /2018/TT-BCT

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2018

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công Thương địa phương;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu

1. Khoản 2 Điều 3 được sửa đổi như sau:

“2. Bộ sản phẩm là tập hợp các sản phẩm do cùng một cơ sở công nghiệp nông thôn sản xuất, được sử dụng kết hợp với nhau làm tăng thêm hiệu quả sử dụng và tính thẩm mỹ, thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Các sản phẩm có cùng tính năng, công dụng, được sản xuất từ một loại nguyên liệu, vật liệu nhưng khác nhau về kiểu dáng, mẫu mã;

b) Các sản phẩm có cùng kiểu dáng, mẫu mã và tính năng, công dụng được sản xuất từ các nguyên liệu, vật liệu khác nhau”.

2. Bổ sung khoản 3, khoản 4 và khoản 5 vào Điều 3 như sau:

“3. *Bản sao hợp lệ* là bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao (không có chứng thực) xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu.

4. *Hồ sơ điện tử* là tập hợp các tài liệu điện tử của hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, được tạo trực tuyến hoặc được quét (scan) theo định dạng dữ liệu máy tính và thể hiện chính xác, toàn vẹn nội dung của văn bản thông qua phần mềm cơ sở dữ liệu.

5. *Lập hồ sơ điện tử* là việc áp dụng công nghệ thông tin nhằm liên kết các tài liệu điện tử hình thành trong quá trình tổng hợp, xét duyệt hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm của các cơ sở công nghiệp nông thôn”.

3. Khoản 3 Điều 4 được sửa đổi như sau:

“3. Sản phẩm tham gia bình chọn không vi phạm quy định về quyền sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu công nghiệp và các quy định khác liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng, an toàn lao động, vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường”.

4. Khoản 3 Điều 6 được sửa đổi như sau:

“3. Một cơ sở công nghiệp nông thôn có thể đăng ký tham gia bình chọn cho một hoặc nhiều sản phẩm. Sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu (các cấp) được đăng ký tham gia bình chọn tại nhiều kỳ bình chọn. Việc bình chọn thực hiện theo trình tự quy định tại Thông tư này”.

5. Khoản 1, khoản 2 Điều 10 được sửa đổi như sau:

“1. Hội đồng bình chọn các cấp có nhiệm vụ: Thành lập Ban Giám khảo và Tổ chuyên môn giúp việc; tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu của cấp tương ứng; đề xuất, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kết quả bình chọn, quyết định công nhận và cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu (sau đây gọi là Giấy chứng nhận).

2. Hội đồng bình chọn cấp huyện, cấp tỉnh và cấp khu vực có trách nhiệm lựa chọn, lập danh sách các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu nhất của cấp tương ứng để đề xuất, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cục Công Thương địa phương phê duyệt đăng ký tham gia bình chọn ở cấp cao hơn”.

6. Khoản 1 Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Hồ sơ đăng ký bình chọn cấp huyện:

Cơ sở công nghiệp nông thôn gửi 02 (hai) bộ hồ sơ (kèm theo bản hồ sơ điện tử) tới Hội đồng bình chọn (gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện) khi thực hiện đăng ký tham gia bình chọn. Hồ sơ được sử dụng liên thông cho các cấp bình chọn. Hồ sơ gồm:

a) Phiếu đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm của cơ sở công nghiệp nông thôn (theo mẫu tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư này) kèm theo bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương;

b) Bản thuyết minh, mô tả giới thiệu về sản phẩm đăng ký bình chọn (theo mẫu tại Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư này) kèm theo tối thiểu 03 (ba) ảnh màu, cỡ (10 x 15) cm của sản phẩm được chụp tại các góc độ khác nhau (tối thiểu tại các góc: chính diện, các mặt bên, từ trên xuống);

c) Bản sao hợp lệ các tài liệu khác còn giá trị pháp lý liên quan đến sản phẩm (nếu có) như: Chứng chỉ, chứng nhận về tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm; giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; giấy khen, bằng khen cho sản phẩm và các giấy tờ liên quan khác”.

7. Khoản 1, khoản 2 Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Hồ sơ bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện lưu tại đơn vị do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định; cấp tỉnh lưu tại Sở Công Thương; cấp khu vực, cấp quốc gia lưu tại Cục Công Thương địa phương.

2. Thời hạn bảo quản hồ sơ bình chọn các cấp thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ”.

8. Điểm a khoản 1 Điều 14 được sửa đổi như sau:

“a) Cấp huyện, cấp tỉnh được tổ chức định kỳ 02 năm một lần. Trường hợp khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền”.

9. Điểm a khoản 2 Điều 14 được sửa đổi như sau:

“a) Cấp khu vực, cấp quốc gia được tổ chức định kỳ 02 năm một lần; cấp quốc gia được tổ chức liền kề sau năm bình chọn cấp khu vực. Trường hợp khác theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương”.

10. Khoản 3 Điều 17 được sửa đổi như sau:

“3. Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu có giá trị từ ngày được cấp đến hết ngày 31 tháng 12 của năm thứ tư (năm thứ nhất là năm cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm được cấp Giấy chứng nhận)”.

11. Khoản 3, khoản 4 Điều 21 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Được cung cấp thông tin, tư vấn hướng dẫn tiếp cận các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước; tư vấn lập dự án đầu tư mở rộng sản xuất, phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu.

4. Được ưu tiên xét hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương để: Đào tạo nghề, truyền nghề; nâng cao năng lực quản lý; xây dựng chiến lược kinh doanh, marketing; xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất sản phẩm; tham gia các hội chợ, triển lãm, xúc tiến thương mại, giới thiệu sản phẩm; xây dựng, đăng ký nhãn hiệu; xây dựng trang thông tin điện tử (website) của cơ sở và các nội dung ưu tiên, hỗ trợ khác để phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP”.

12. Điểm b khoản 5 Điều 21 được sửa đổi như sau:

“b) Ở Trung ương: Được đăng thông tin giới thiệu về sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu trên các phương tiện truyền thông như: Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương, Trang thông tin điện tử của Cục Công Thương địa phương và các phương tiện truyền thông khác theo quy định”.

13. Điểm b khoản 1 Điều 23 được sửa đổi như sau:

“b) Xây dựng kế hoạch tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp quốc gia trình Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt và tổ chức thực hiện”.

14. Bổ sung điểm đ vào khoản 1 Điều 23 như sau:

“đ) Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; tập hợp, quản lý và hướng dẫn các địa phương khai thác, sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu về sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu”.

15. Điểm a khoản 2 Điều 23 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Sở Công Thương là cơ quan giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn thực hiện Thông tư này tại địa phương; phối hợp với Cục Công Thương địa phương tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực, cấp quốc gia theo chương trình, kế hoạch”.

16. Bổ sung điểm h, điểm i vào khoản 2 Điều 23 như sau:

“h) Tổng hợp, theo dõi hồ sơ đăng ký bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện, cấp tỉnh; tạo lập, cập nhật hồ sơ điện tử đăng ký bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh vào hệ thống cơ sở dữ liệu sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, đồng thời gửi đăng ký bình chọn cấp khu vực;

i) Phối hợp với Cục Công Thương địa phương rà soát, có ý kiến đối với danh sách sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu nhất của địa phương (do Hội đồng bình chọn cấp khu vực đề xuất) để đăng ký tham gia bình chọn cấp quốc gia”.

17. Điểm a khoản 3 Điều 23 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Xây dựng kế hoạch và tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện phù hợp với kế hoạch chung được duyệt; tạo lập hồ sơ điện tử đăng ký bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện, cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu về sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, đồng thời gửi đăng ký bình chọn cấp tỉnh”.

18. Thay thế Phụ lục số 1 và Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2014/TT-BCT bằng các Phụ lục số 1 và Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Bãi bỏ và thay đổi từ ngữ

1. Bãi bỏ quy định “Cơ sở công nghiệp nông thôn, cơ quan, đơn vị khi đăng ký tham gia bình chọn chuẩn bị 01 bộ hồ sơ và gửi về Hội đồng bình chọn, hồ sơ cụ thể.” tại Điều 12 Thông tư số 26/2014/TT-BCT.

2. Thay cụm từ “Cục Công nghiệp địa phương” bằng cụm từ “Cục Công Thương địa phương” tại điểm c khoản 1 Điều 3; điểm c khoản 1 Điều 8; điểm a, điểm b khoản 3, điểm b khoản 4 Điều 9; điểm c khoản 4 Điều 12; khoản 2 Điều

17; điểm a khoản 1, điểm g khoản 2 Điều 23; khoản 1 Điều 24; Mẫu số 3 của Phụ lục số 6 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2014/TT-BCT.

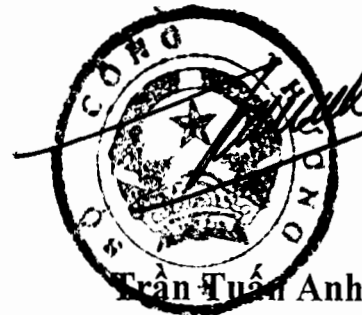
Điều 3. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 8 năm 2018.
2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.
3. Trong quá trình thực hiện Thông tư này nếu có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Công Thương (qua Cục Công Thương địa phương) để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- HĐND, UBND, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Công báo; Website Chính phủ; Website Bộ Công Thương;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, CTĐP (10b), L.

BỘ TRƯỞNG



Phụ lục số 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14 /2018/TT-BCT ngày 26 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

(Tên Cơ sở CNNT)

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm ...

PHIẾU ĐĂNG KÝ THAM GIA BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU

cấp Huyện cấp Tỉnh cấp Khu vực cấp Quốc gia

Kính gửi: Hội đồng bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu

1. Tên cơ sở công nghiệp nông thôn

Tên viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa có dấu):

Tên viết tắt (nếu có): Mã số (nếu có):

Địa chỉ trụ sở chính:

Họ và tên người đại diện theo pháp luật:

Chức danh:

Điện thoại: Fax:.....

Email: Website:.....

Cơ sở công nghiệp nông thôn thuộc trong các loại hình sau:

- | | | |
|------------------------------------------|---------------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Công ty cổ phần | <input type="checkbox"/> Doanh nghiệp tư nhân | <input type="checkbox"/> Trung tâm |
| <input type="checkbox"/> Công ty TNHH | <input type="checkbox"/> Hợp tác xã | <input type="checkbox"/> Cơ sở sản xuất |
| <input type="checkbox"/> Hộ kinh doanh | <input type="checkbox"/> Khác (ghi rõ loại hình): | |

Tài khoản số: Chủ tài khoản:

Mở tại ngân hàng: Chi nhánh:

2. Thông tin về chi nhánh (nếu có)

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh:

3. Thông tin về địa điểm sản xuất

Tên địa điểm sản xuất: (nếu nằm ngoài trụ sở chính và chi nhánh).....

Địa chỉ địa điểm sản xuất:

Các văn bản, giấy tờ liên quan đến địa điểm sản xuất:

Phụ lục số 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số *14* /2018/TT-BCT ngày *28* tháng *6* năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

(Tên Cơ sở CNNT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm

**THUYẾT MINH, MÔ TẢ GIỚI THIỆU SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ
BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU**

Tên cơ sở công nghiệp nông thôn:

Địa chỉ:

Người đại diện:.....; Chức vụ:.....

Điện thoại:.....; Email:.....

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên sản phẩm:

Sản phẩm đăng ký bình chọn thuộc một trong các nhóm sau:

 Thủ công mỹ nghệ Chế biến nông, lâm, thủy sản và thực phẩm Thiết bị, máy móc, dụng cụ và phụ tùng cơ khí Khác (ghi rõ nhóm sản phẩm):...

Kích cỡ (dài, rộng, cao):

Trọng lượng sản phẩm (kg):

Ký hiệu sản phẩm (nếu có):

Tính năng, công dụng chính của sản phẩm:

II. NỘI DUNG THÔNG TIN CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN SẢN PHẨM

Tùy vào từng loại sản phẩm, thực tế sản xuất kinh doanh của cơ sở công nghiệp nông thôn, nêu tóm tắt một số nội dung sau:

1. Quy mô sản xuất, kinh doanh và thị trường tiêu thụ**1.1. Quy mô sản xuất và kinh doanh:**

Số lượng sản phẩm sản xuất/năm:.....

Năm trước năm bình chọn..... Năm tham gia bình chọn:.....

Dự kiến hai năm liên kế sau năm bình chọn:.....

Trong đó: Số lượng sản phẩm xuất khẩu/năm:.....

Năm trước năm bình chọn..... Năm tham gia bình chọn:.....

Dự kiến hai năm liên kế sau năm bình chọn:.....

Doanh thu của sản phẩm/năm:.....

Năm trước năm bình chọn..... Năm tham gia bình chọn:.....

Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình chọn:.....

Trong đó: Doanh thu của sản phẩm xuất khẩu/năm (nếu có):.....

Năm trước năm bình chọn..... Năm tham gia bình chọn:.....

Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình chọn:.....

Nộp ngân sách nhà nước (năm trước và dự kiến năm hiện tại):.....

Nguyên vật liệu chính sử dụng sản xuất sản phẩm:.....

Tỉ lệ nguyên vật liệu chính sử dụng trong nước.....%.

Tỉ lệ nguyên vật liệu chính sử dụng nhập khẩu.....%.

Đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh sản phẩm:

Đáp ứng được nhu cầu, thị hiếu của thị trường và người tiêu dùng

Có khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu

Có khả năng sản xuất với số lượng lớn

Khả năng tham gia chuỗi liên kết giá trị sản phẩm

Khả năng nhân rộng sản xuất và thúc đẩy phát triển các ngành khác

Đánh giá khác (*ghi chi tiết*):...

Tóm tắt quy trình, công nghệ sản xuất sản phẩm:.....

.....

Đánh giá trình độ công nghệ, thiết bị đang sản xuất sản phẩm.

Công nghệ, thiết bị hiện đại; có khả năng tự động hóa trong sản xuất sản phẩm

Công nghệ, thiết bị sản xuất sản phẩm đồng bộ, phù hợp với năng lực sản xuất của doanh nghiệp

Công nghệ, thiết bị ít tiêu hao năng lượng, nhiên liệu khi vận hành sản xuất

Công nghệ, thiết bị sản xuất giảm thiểu gây hại môi trường

Đánh giá khác (*ghi chi tiết*):.....

.....

2.2. Về thị trường tiêu thụ:

Thị trường tiêu thụ sản phẩm:

Tỉ lệ sản phẩm tiêu thụ tại thị trường trong nước.....%.

Tỉ lệ sản phẩm tiêu thụ tại thị trường ngoài nước.....%.

Đánh giá tiềm năng, mức độ đáp ứng nhu cầu thị trường:

